

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh dự án Đường giao thông
từ bản Pá Quăn đi bản Tà Cóm, xã Trung Lý, huyện Mường Lát
(Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/04/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Số 928/QĐ/UBND ngày 21/3/2023 phê duyệt dự án Đường giao thông từ bản Pá Quăn đi bản Tà Cóm, xã Trung Lý, huyện Mường Lát; số 1624/QĐ-UBND ngày 28/5/2025 phân công thẩm định dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND tỉnh; số 577/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 điều chỉnh chủ đầu tư các dự án đầu tư công do các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực làm chủ đầu tư về Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa Thanh Hóa, Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Nghi Sơn trực thuộc Ban Quản lý Khu Kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp quản lý;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 165/TTr-SXD ngày 22/5/2026 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Đường giao thông từ bản Pá Quăn đi bản Tà Cóm, xã Trung Lý, huyện Mường Lát (Kèm theo báo cáo thẩm định số 5041/SXD-HĐXD ngày 15/5/2026).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án Đường giao thông từ bản Pá Quăn đi bản Tà Cóm, xã Trung Lý, huyện Mường Lát (Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững), với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: Từ “*Năm 2023 - 2025*” thành “*Hoàn thành trong năm 2026*”.

2. Điều chỉnh, cập nhật địa điểm xây dựng dự án: Từ “*Xã Trung Lý, huyện Mường Lát*” thành “*Xã Trung Lý, tỉnh Thanh Hóa*”.

3. Tổng mức đầu tư (TMDT) điều chỉnh là: 62.700.000.000 đồng (Sáu mươi hai tỷ, bảy trăm triệu đồng); trong đó, cơ cấu giá trị khoản mục chi phí gồm:

TT	Nội dung chi phí	TMDT theo QĐ số 928/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của UBND tỉnh	TMDT điều chỉnh	Chênh lệch tăng (+), giảm (-)
1	Bồi thường GPMB	2.963.310.000	3.357.415.000	394.105.000
2	Xây dựng	44.211.401.000	48.433.134.000	4.221.733.000
3	Quản lý dự án	957.378.000	839.038.000	-118.340.000
4	Tư vấn đầu tư	6.788.758.000	6.343.662.000	-445.096.000
5	Chi phí khác	552.424.000	674.989.000	122.565.000
6	Dự phòng	7.226.729.000	3.051.762.000	-4.174.967.000
Tổng cộng		62.700.000.000	62.700.000.000	0.00

(Chi tiết có phụ lục và hồ sơ kèm theo).

4. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo các Quyết định số 928/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 và số 577/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- Giao Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa (Chủ đầu tư) tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về hoạt động đầu tư xây dựng; trong bước tiếp theo có trách nhiệm thực hiện đầy đủ kiến nghị của Sở Xây dựng tại Công văn số 5041/SXD-HĐXD ngày 15/5/2026.

- Chủ đầu tư, Sở Xây dựng chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật (trong đó có trách nhiệm báo cáo, giải trình với các cơ quan thanh tra, kiểm toán,...) về nội dung, tính chính xác của hồ sơ dự án thẩm định, trình phê duyệt.

- Đồng ý chủ trương gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng đối với các gói thầu có liên quan thuộc dự án; giao chủ đầu tư căn cứ nội dung quy định tại hợp đồng đã ký kết, khối lượng công việc còn lại của hợp đồng, nguyên nhân chậm tiến độ (chỉ xét đến nguyên nhân khách quan, không do lỗi của nhà thầu) và quy định của pháp luật có liên quan xác định rõ trách nhiệm của mỗi bên đối với

những thiệt hại do chậm tiến độ gây ra, mốc thời gian hoàn thành hợp đồng các gói thầu, tiến hành đàm phán ký kết phụ lục hợp đồng các gói thầu có liên quan, đảm bảo không vượt thời gian thực hiện dự án đã được điều chỉnh.

Đối với việc gia hạn thời gian thực hiện gói thầu số 05, chủ đầu tư phải làm việc với Nhà thầu thực hiện phân khai, bóc tách các công việc chậm tiến độ do các nguyên nhân chủ quan, khách quan để xử lý các vấn đề phát sinh theo đúng các điều khoản hợp đồng đã ký và đúng với các quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng; chịu trách nhiệm kiểm tra, rà soát, quản lý chặt chẽ các chi phí của dự án (chi phí điều chỉnh giá liên quan đến các khối lượng chậm tiến độ,...) đảm bảo theo quy định hiện hành của pháp luật. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về các quyết định của mình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XI; Chủ tịch UBND xã Trung Lý; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, VHXH_{GN27}

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Cao Văn Cường

PHỤ LỤC: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH
Dự án Đường giao thông từ bản Pá Quăn đi bản Tà Cóm, xã Trung Lý, huyện Mường Lát
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Khoản mục chi phí	TMĐT theo QĐ 928/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của UBND tỉnh	Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh		Chênh lệch tăng (+), giảm (-)
			Phương pháp xác định	Giá trị	
I	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (đã bao gồm dự phòng)	2.963.310.000	Cộng 1-2	3.357.415.000	394.105.000
1	Chi phí đã thực hiện phê duyệt và chi trả	2.963.310.000	Các Quyết định số 1114/QĐ-UBND ngày 13/6/2024, số 2764/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 và số 2767/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND huyện Mường Lát	1.973.622.500	394.105.000
2	Chi phí còn lại chưa thực hiện		Tờ trình số 1181/TTr-BQLDA ngày 24/4/2026 của Ban QLDA và Văn bản số 1199/UBND-KT ngày 07/5/2026 của UBND xã Trung Lý	1.383.792.500	
II	Chi phí xây dựng	44.211.401.000	Hợp đồng số 01/2024/HĐ-TCXD ngày 05/03/2024 và PLHĐ số 03/2025/PLHD-XL ngày 16/12/2025 đã ký giữa Ban QLDA với nhà thầu	48.433.134.000	4.221.733.000
1	Giá trị các hạng mục đã thi công	44.211.401.000	Hợp đồng số 01/2024/HĐ-TCXD ngày 05/03/2024 và PLHĐ số 03/2025/PLHD-XL ngày 16/12/2025 đã ký giữa Ban QLDA với nhà thầu và Tờ trình số 1181/TTr-BQLDA ngày 24/4/2026	26.017.000.000	4.221.733.000
2	Giá trị các hạng mục chưa thi công			22.416.134.000	
III	Chi phí quản lý dự án	957.378.000	2,382% x0,8x 44.030.121.818	839.038.000	-118.340.000

TT	Khoản mục chi phí	TMĐT theo QĐ 928/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của UBND tỉnh	Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh		Chênh lệch tăng (+), giảm (-)
			Phương pháp xác định	Giá trị	
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	6.788.758.000	Cộng 1-15	6.343.662.000	-445.096.000
1	Lập nhiệm vụ khảo sát bước Báo cáo NCKT	147.352.000	Quyết định số 2164/QĐ-UBND ngày 24/8/2022 của UBND huyện Mường Lát	147.352.000	-
2	Khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	2.364.660.000	Quyết định số 2615/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 của UBND huyện Mường Lát	2.364.660.000	-
3	Lập nhiệm vụ khảo sát bước BVTC	49.670.000	Quyết định số 423/QĐ-QLDA ngày 20/11/2023 của Ban QLDA ĐTXD huyện Mường Lát	84.868.000	-32.220.000
4	Giám sát khảo sát xây dựng bước BVTC	67.418.000			
5	Thiết kế và cắm cọc GPMB	400.000.000	Quyết định số 159/QĐ-QLDA ngày 12/7/2023 của Ban QLDA ĐTXD huyện Mường Lát	2.432.491.000	-126.733.000
6	Khảo sát bước BVTC	1.655.656.000			
7	Thiết kế BVTC và dự toán	503.568.000			
8	Lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường	344.168.000	Quyết định số 423/QĐ-QLDA ngày 20/11/2023 của Ban QLDA ĐTXD huyện Mường Lát	29.162.000	-315.006.000
9	Lập HSMT, đánh giá HSDT khảo sát, lập Báo cáo NCKT	16.199.396		16.199.396	
10	Lập HSMT, đánh giá HSDT khảo sát, thiết kế BVTC-DT; giám sát thi công xây dựng	19.931.000		99.070.000	-
11	Lập HSMT, đánh giá HSDT thi công xây dựng	79.138.000			
12	Giám sát thi công xây dựng	1.091.137.000	Quyết định số 17/QĐ-QLDA ngày 26/01/2024 của Ban QLDA ĐTXD huyện Mường Lát	1.120.000.000	28.863.000

TT	Khoản mục chi phí	TMĐT theo QĐ 928/QĐ- UBND ngày 21/3/2023 của UBND tỉnh	Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh		Chênh lệch tăng (+), giảm (-)
			Phương pháp xác định	Giá trị	
13	Thẩm định HSMT, kết quả LCNT khảo sát, lập Báo cáo NCKT	2.000.000	Quyết định số 423/QĐ-QLDA ngày 20/11/2023 của Ban QLDA ĐTXD huyện Mùong Lát	2.000.000	-
14	Thẩm định HSMT, kết quả LCNT khảo sát, thiết kế BVTC DT; giám sát thi công	3.650.000		47.860.000	-
15	Thẩm định HSMT, kết quả LCNT thi công xây dựng	44.211.000			
V	Chi phí khác	552.424.000	Cộng 1 - 9	674.989.000	122.565.000
1	Thẩm định Báo cáo NCKT	8.778.000	Quyết định số 423/QĐ-QLDA ngày 20/11/2023 của Ban QLDA ĐTXD huyện Mùong Lát	8.778.000	-
2	Thẩm định thiết kế BVTC	32.958.000		34.295.000	1.337.000
3	Thẩm định dự toán xây dựng	31.752.000		32.580.000	828.000
4	Thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Đăng ký môi trường	16.000.000	QĐ số 223/QĐ-QLDA ngày 09/12/2022 của Ban QLDA	16.000.000	-
5	Chi phí kiểm toán	259.448.000	0,423% x1,08x 62.700.000.000	286.662.000	27.214.000
6	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	75.275.000	0,270% x0,5x 62.700.000.000	84.570.000	9.295.000
7	Chi phí bảo hiểm công trình	128.213.000	Hợp đồng số 01/2024/HĐ-TCXD ngày 05/03/2024 và các phụ lục hợp đồng đã ký giữa Ban QLDA và nhà	135.000.000	6.787.000

8	Đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình thi công		thầu	77.104.000	77.104.000
TT	Khoản mục chi phí	TMĐT theo QĐ 928/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của UBND tỉnh	Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh		Chênh lệch tăng (+), giảm (-)
			Phương pháp xác định	Giá trị	
VI	Chi phí dự phòng	7.226.729.000	Cộng 1 - 2	3.051.762.000	-4.174.967.000
1	Dự phòng khối lượng, công việc phát sinh (cho các hạng mục chưa thi công)	5.540.341.562	7,05% x 22.416.134.000	1.579.395.000	-3.960.947.000
2	Dự phòng trượt giá	1.686.387.438	3,04% x 48.433.134.000	1.472.367.000	-214.020.000
	Tổng mức đầu tư	62.700.000.000	(I+II+III+IV+V+VI)	62.700.000.000	0.00